



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**



# BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

---

số tháng 12/2023



## MỤC LỤC



<b>PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI</b>	<b>1</b>
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 11/2023	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	3
2. Dự báo tăng trưởng	5
<b>PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM</b>	<b>6</b>
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 11/2023	6
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	6
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	6
1.1.2. Xuất nhập khẩu	7
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	8
1.1.4. Hoạt động đầu tư	8
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	10
1.1.6. Lạm phát	10
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	11
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	11
1.2.2. Lãi suất	11
1.2.3. Tỷ giá	12
1.2.4. Giá vàng	12
1.2.5. Chứng khoán	12
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	13
2.1. Về chủ trương, chính sách	13
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	13
<b>PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO</b>	<b>15</b>
1. Thị trường dầu thô	15
2. Thị trường khí	18
3. Thị trường phân bón	20
4. Thị trường điện	22
<b>PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b>	<b>23</b>
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 11 năm 2023</i>	24



PHẦN I

## KINH TẾ THẾ GIỚI

### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 11/2023

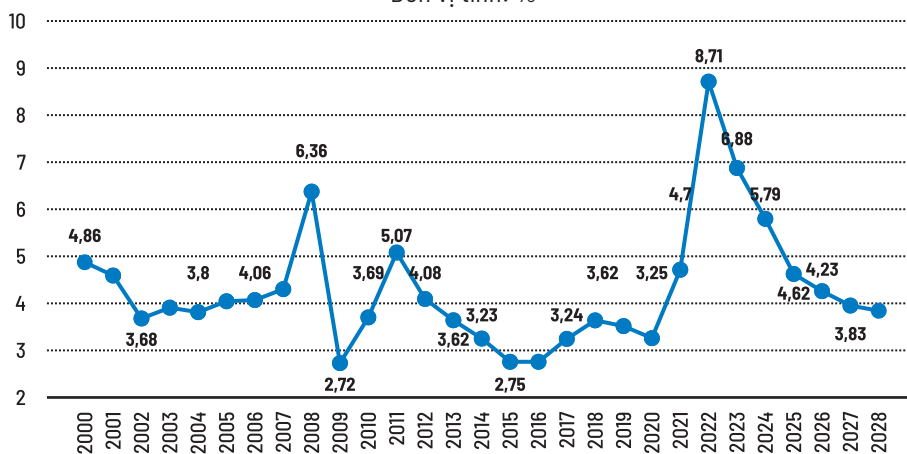
#### 1.1. Tổng quan chung

Chỉ số PMI Sản xuất Toàn cầu tăng lên mức 49,3 điểm trong tháng 11/2023, tăng 0.5 điểm so với 48,8 trong tháng 10/2023, mặc dù có tăng nhưng vẫn duy trì dưới mức trung tính 50,0 trong tháng thứ 15 liên tiếp.

Trong tháng 11, lạm phát trên thế giới tuy giảm bớt nhưng vẫn còn ở mức cao. Nhiều quốc gia tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt.

#### LẠM PHÁT TOÀN CẦU 2020-2022 DỰ BÁO ĐẾN 2028

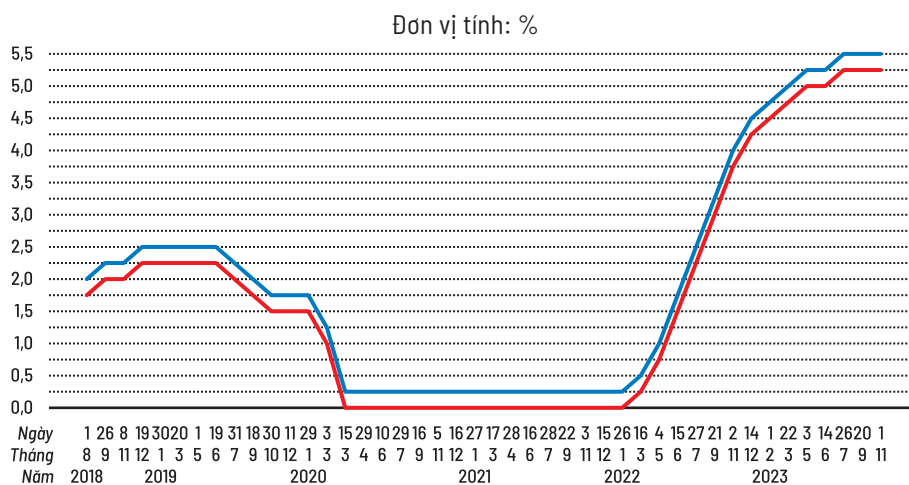
Đơn vị tính: %



Nguồn: IMF

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) vào ngày 1/11 đã tuyên bố duy trì mức lãi suất hiện tại từ 5,25% - 5,5%, mức cao nhất trong 22 năm qua. Đây là lần thứ 2 liên tiếp FED giữ nguyên lãi suất ở mức này sau khi bắt đầu chu kỳ tăng lãi suất mạnh mẽ kể từ tháng 3/2022 để chống lạm phát.

NHỮNG LẦN ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT GẦN ĐÂY CỦA FED



Nguồn: Fed

Đồng USD giảm sau quyết định thắt chặt của Fed.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ USD TRONG THÁNG 11



Nguồn: Trading Economics

Tình hình kinh tế thế giới đã tốt lên, nhưng những rủi ro vẫn tiềm ẩn. Báo cáo Viện Tài chính Quốc tế (IIF) công bố ngày 16/11, ước tính khối nợ toàn cầu chạm 310.000 tỷ cuối năm nay, tăng 25% so với 5 năm trước.

Tỷ lệ nợ trên GDP đang tăng ở các nền kinh tế đang phát triển và nợ xấu của chính phủ đã lên mức kỷ lục. Dù tỷ lệ nợ trên GDP toàn cầu ít thay đổi ở mức 333%, nhưng tỷ lệ này lên tới 255% tại các thị trường mới nổi, cao hơn 32 điểm phần trăm so với cùng kỳ 5 năm trước, chủ yếu do nợ công của Nga, Trung Quốc, Saudi Arabia và Malaysia tăng.

Ngoài việc nợ công tăng cao, gánh nặng nợ nần đối với các hộ gia đình và doanh nghiệp cũng đang gia tăng trên toàn thế giới, nhất là ở các nền kinh tế lớn như Trung Quốc và Mỹ.

Bên cạnh đó, cuộc xung đột ở Ukraine, bạo lực giữa Hamas và Israel leo thang sẽ cản bước tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

## 1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

### ▪ Mỹ

Nền kinh tế Mỹ có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Hoạt động sản xuất của Mỹ bị thu hẹp với *PMI sản xuất đạt 49,4 điểm trong tháng 11/2023, giảm 0,6 điểm từ 50,0 trong tháng 19/202*, thấp nhất trong vòng ba tháng trở lại đây.

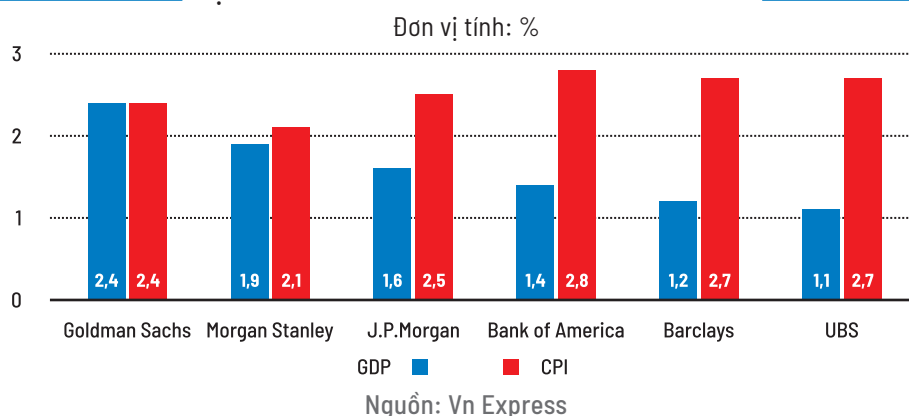
Ở chiều ngược lại, ngành bán lẻ trong tháng 11 lại có những tín hiệu tích cực, người dân Mỹ đã sẵn sàng mở hầu bao để mua hàng giảm giá trong bối cảnh vẫn thắt chặt chi tiêu vì lạm phát và lãi suất cao.

Báo cáo thống kê từ Adobe Analytics cho biết, trong dịp Black Friday, người dân Mỹ đã chi khoảng 9,8 tỷ USD để mua sắm trên các nền tảng thương mại điện tử, tăng hơn 7,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Ngày 10/11, Moody's Investors Service đã hạ đánh giá triển vọng nợ công của Mỹ từ ổn định xuống tiêu cực, dù vẫn giữ xếp hạng tín nhiệm ở mức cao nhất là AAA.

Về tình hình kinh tế Mỹ trong năm sau, dự báo của các ngân hàng lớn như Goldman Sachs, UBS Bank of America... đều không có sự tương đồng. Goldman Sachs kỳ vọng tăng trưởng ở Mỹ sẽ mạnh mẽ ở mức 2,1%, gấp đôi mức dự đoán từ UBS. Một số ngân hàng nhận thấy lạm phát tại Mỹ sẽ giảm một nửa vào năm 2024.

DỰ BÁO KINH TẾ MỸ NĂM 2024 SO VỚI NĂM 2023



### ▪ Trung Quốc

*Chỉ số PMI ngành sản xuất Trung Quốc tăng lên 50,7 trong tháng 11/2023, tăng 1,2 điểm, từ 49,5 trong tháng 10/2023.* Mức tăng báo hiệu sự cải thiện mới về điều kiện sản xuất, mặc dù chỉ ở mức độ nhẹ nhưng đã đánh dấu lần tăng thứ ba trong vòng bốn tháng qua, cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất được tăng cường.

Ở Trung Quốc, tốc độ giảm phát đang gia tăng, chính phủ đã tiến hành nới lỏng chính sách tiền tệ và giảm hạn chế với việc mua nhà để bình ổn thị trường bất động sản.

Lợi nhuận công nghiệp của Trung Quốc tiếp tục giảm trong tháng 11, nhưng với tốc độ chậm nhất trong gần một năm.

Trung Quốc đang phải đối mặt với tình thế tiến thoái lưỡng nan khi tìm cách củng cố nền kinh tế đang bất ổn vì lĩnh vực tài sản yếu kém, đồng thời bảo vệ đồng nhân dân tệ khỏi bị trượt giá thêm do khoảng cách chính sách tiền tệ với Mỹ ngày càng nới rộng hơn.

Trước tình hình đó, Chính phủ Trung Quốc đã quyết định tăng cường hỗ trợ nền kinh tế bằng cách bơm lượng tiền mặt lớn nhất kể từ cuối năm 2016 vào hệ thống tài chính qua các khoản vay chính sách một năm.

Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) đã cung cấp 1,45 nghìn tỷ nhân dân tệ (200 tỷ USD) tiền mặt thông qua cơ chế cho vay trung hạn - nhiều hơn 600 tỷ nhân dân tệ so với số tiền đáo hạn vào tháng 11. Lượng bơm ròng lớn nhất trong gần 7 năm, trong khi lãi suất cho vay được giữ không đổi ở mức 2,5%.

Ngày 7/11, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã nâng dự báo tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong năm 2023 của Trung Quốc lên 5,4%, từ mức 5% trước đó.

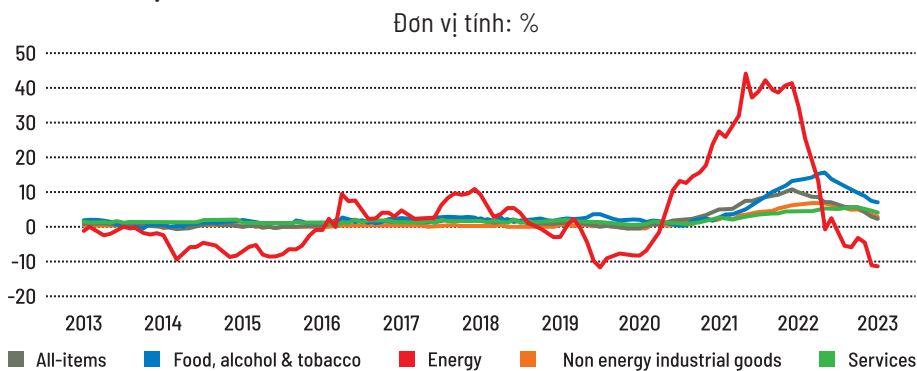
### ▪ EU

**Chỉ số PMI ngành sản xuất của khu vực đồng euro đạt 44,2 điểm trong tháng 11/2023, tăng 1,1 điểm từ mức 43,1 trong tháng 10/2023.** Chỉ số này duy trì dưới ngưỡng 50,0 phân biệt mức tăng trưởng và suy thoái tháng thứ 17 liên tiếp, báo hiệu tình hình ngày càng tồi tệ hơn trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa. Tuy nhiên, đây là lần tăng đầu tiên sau 6 tháng giảm liên tiếp.

Hoạt động kinh tế ở khu vực Eurozone trong tháng 11 tiếp tục giảm sâu, thậm chí đối mặt nguy cơ suy thoái kỹ thuật lần thứ hai trong năm 2023.

Lạm phát giảm nhưng kinh tế không tăng trưởng cho thấy, thực trạng nền kinh tế Eurozone vốn phụ thuộc vào công nghiệp sản xuất vẫn đang bế tắc đầu ra trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng toàn cầu suy giảm.

### LẠM PHÁT EU VÀ EUROZONE THÁNG 11 CÁC NĂM 2013-2023



Nguồn: Eurostat

Môi trường kinh tế hiện đang yếu đi, nhưng cũng ít khả năng xảy ra một cuộc suy thoái sâu. Dù vậy, tình trạng bấp bênh về kinh tế và địa chính trị, cùng với ảnh hưởng của lãi suất cao, sẽ tiếp tục gây áp lực lên hoạt động kinh tế trong những quý tới.

## **2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG**

Ngày 14/11, Viện Chính sách kinh tế Quốc tế (KIEP) của Hàn Quốc đã *hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 xuống 2,8%, giảm 0,2 điểm % so với dự báo đưa ra hồi tháng 5* do lãi suất cao ở các nền kinh tế lớn và kinh tế Trung Quốc giảm tốc. Dự báo trên vẫn lạc quan hơn so với dự báo tăng 2,7% của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) nhưng thấp hơn mức tăng 2,9% theo dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

Tuy nhiên, KIEP *nâng dự báo tăng trưởng trong 2023 lên 0,4 điểm %, lên 3%, so với mức tăng 3,3% trong 2022.*

KIEP điều chỉnh dự báo khi các nền kinh tế lớn được cho là sẽ tăng trưởng với tốc độ thấp hơn trong 2024, khi chính sách tiền tệ thắt chặt cản trở tăng trưởng, trong lúc nợ gia tăng.

*Ngân hàng Goldman Sachs cũng dự báo nền kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng ở mức 2,6% trong năm tới.* Goldman Sachs dự đoán nền kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng với mức cao hơn kỳ vọng vào năm 2024 nhờ tăng trưởng thu nhập mạnh mẽ và niềm tin rằng giai đoạn tăng lãi suất tồi tệ nhất đã qua.



PHẦN II

## KINH TẾ VIỆT NAM

### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 11/2023

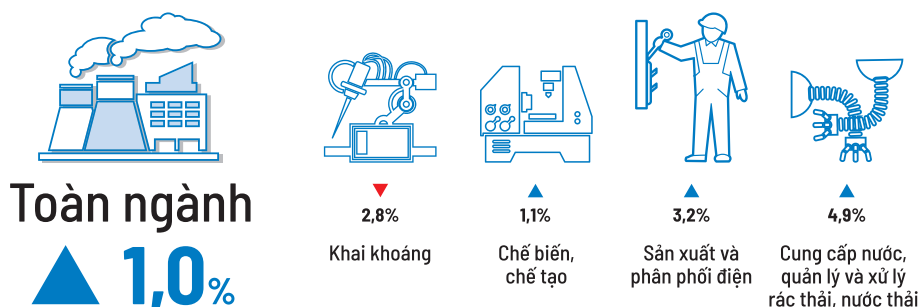
#### 1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng ngành sản xuất Việt Nam đạt 47,3 trong tháng 11/2023, giảm 2,3 điểm so với mức 49,6 vào tháng 10/2023. Kết quả chỉ số cho thấy các điều kiện kinh doanh trong ngành sản xuất đã giảm mạnh so với tháng trước, giảm ba tháng liên tiếp.

##### 1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 11 ước tính tăng 3% so với tháng trước và tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2023, IIP ước tăng 1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 8,4%).

#### TỐC ĐỘ TĂNG CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (IIP) SO VỚI CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC

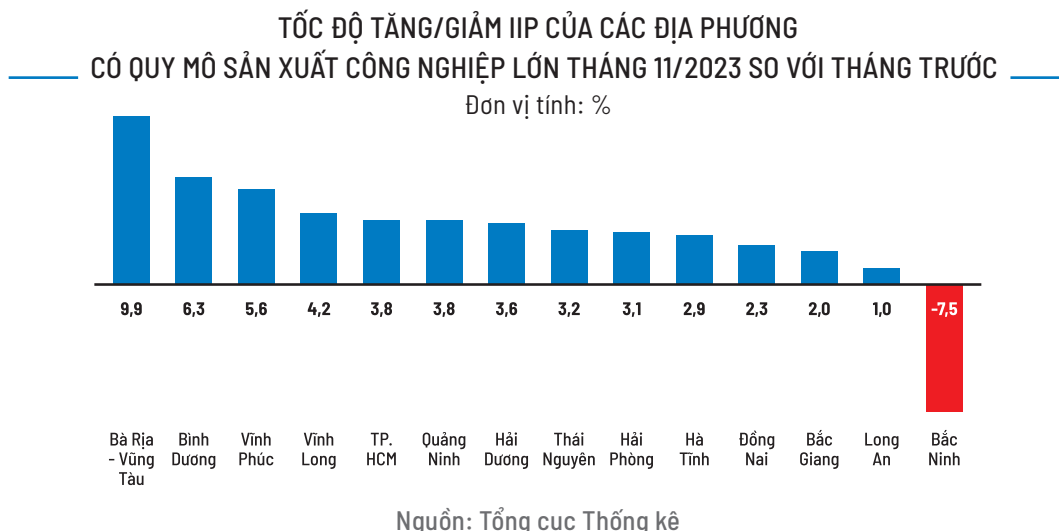


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 50 địa phương và giảm ở 13 địa phương trên cả nước.



## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 12/2023

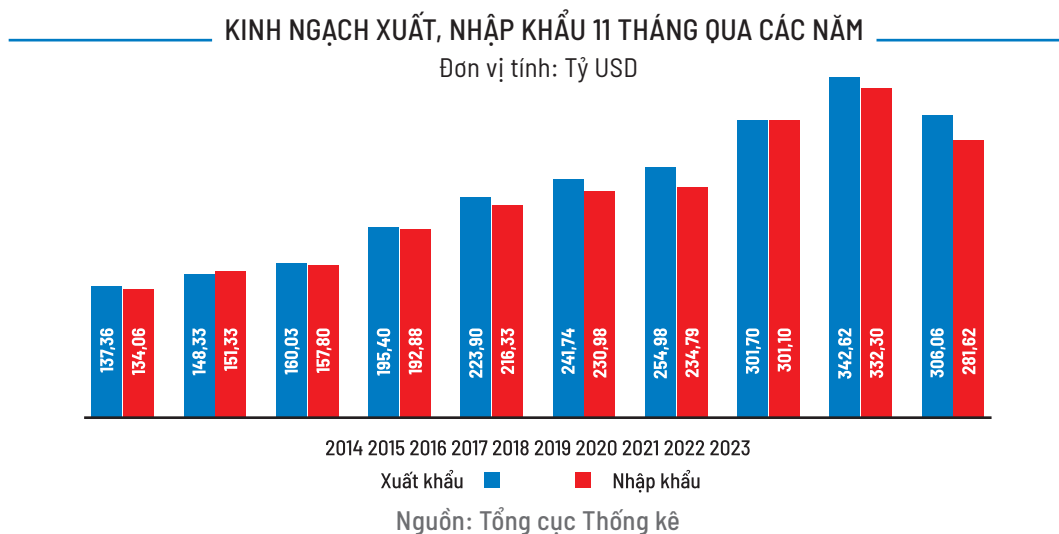


### 1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 11, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 60,88 tỷ USD, giảm 1,4% so với tháng trước và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 619,17 tỷ USD, giảm 8,3% so với cùng kỳ năm trước.

**Xuất khẩu hàng hóa:** Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 11/2023 ước đạt 31,08 tỷ USD, giảm 3,6% so với tháng trước và tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 322,50 tỷ USD, giảm 5,9% so với cùng kỳ năm trước.

**Nhập khẩu hàng hóa:** Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 11/2023 ước đạt 29,8 tỷ USD, tăng 1% so với tháng trước và tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 296,67 tỷ USD, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm trước.

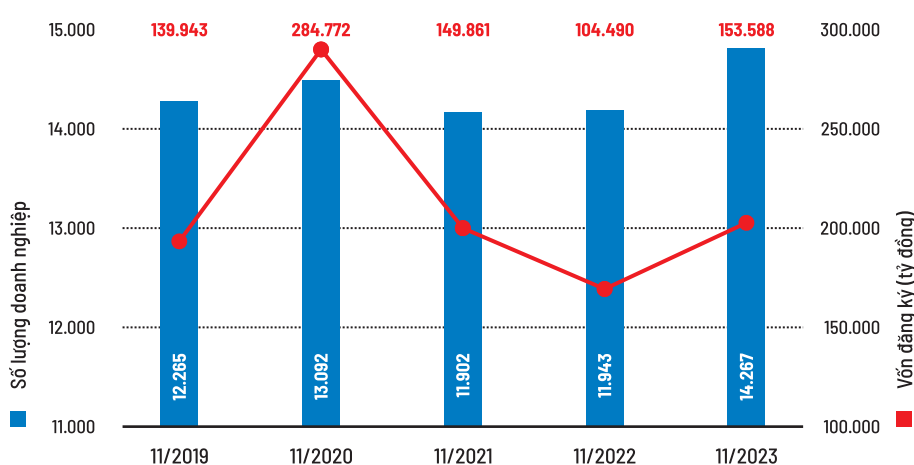


Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 11 tháng năm 2023, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 88 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 99,6 tỷ USD.

### 1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 11, cả nước có 14.267 doanh nghiệp thành lập mới, giảm 7,6% so với tháng trước và tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước; có 6.562 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 16,6% và tăng 4,7%; 4.510 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 18% và tăng 12,6%; 6.598 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 34,7% và tăng 29,5%; 1.443 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 3,9% và tăng 1,5%.

DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP VÀ VỐN ĐĂNG KÝ GIAI ĐOẠN 2019-2023



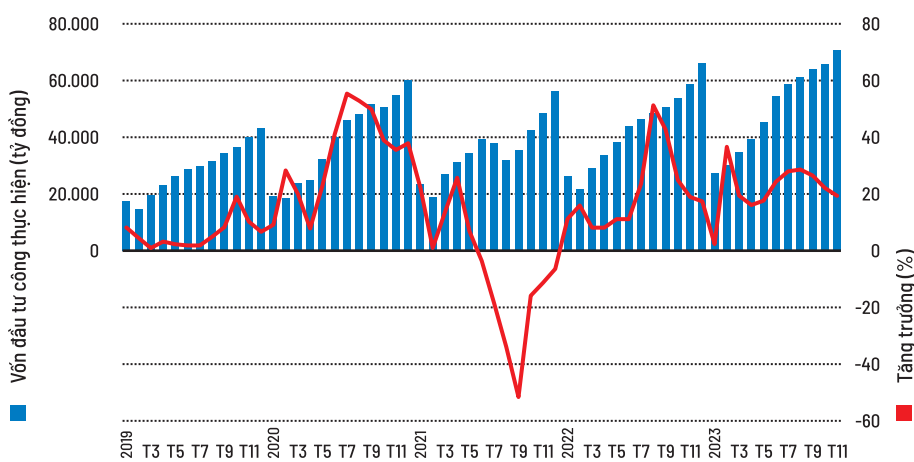
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tính chung 11 tháng năm 2023, cả nước có 201,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 18,3 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 158,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 14,4 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

### 1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 11 ước đạt 70,3 nghìn tỷ đồng, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 549,1 nghìn tỷ đồng, bằng 75% kế hoạch năm và tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 74,9% và tăng 20,9%).

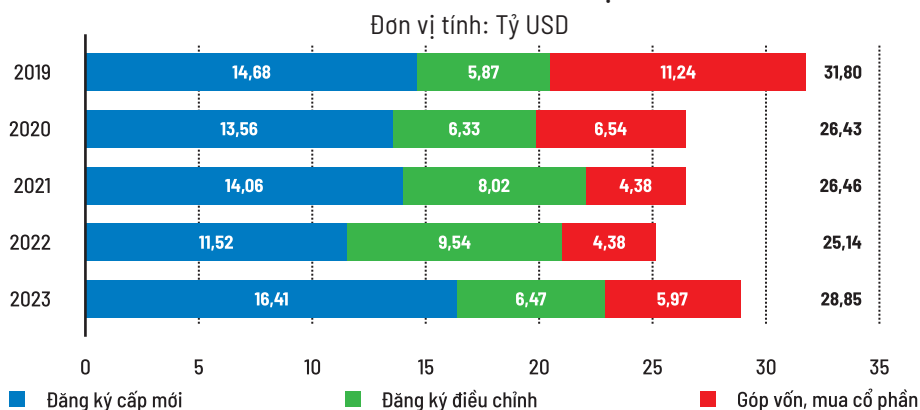
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THEO THÁNG QUA CÁC NĂM



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/11/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 28,85 tỷ USD, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước.

TỔNG VỐN FDI ĐĂNG KÝ VÀO VIỆT NAM  
TÍNH ĐẾN NGÀY 20/11/2023 GIAI ĐOẠN 2019-2023



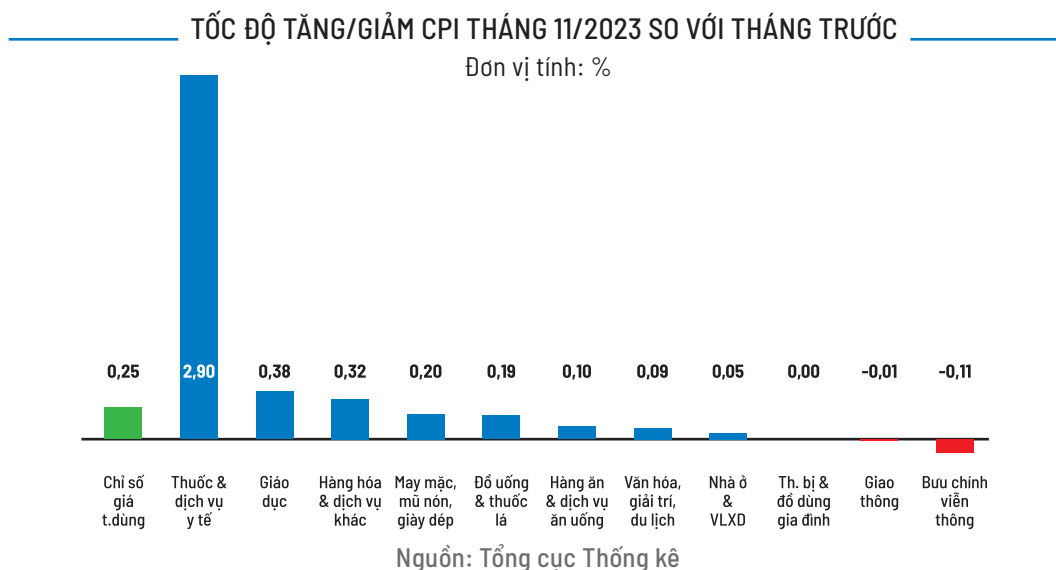
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 11 tháng năm 2023 ước đạt 20,25 tỷ USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 11 tháng năm 2023 có 117 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 257,3 triệu USD, giảm 35% so với cùng kỳ năm trước; có 24 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 137,7 triệu USD, gấp 1,8 lần. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 395 triệu USD, giảm 16,7% so với cùng kỳ năm trước.

### 1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2023 tăng 0,25% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng 11 tăng 3,46% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,45%. Bình quân 11 tháng năm 2023, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,27%.



### 1.1.6. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 11/2023 *tăng 0,16% so với tháng trước, tăng 3,15% so với cùng kỳ năm trước.*

Bình quân *11 tháng năm 2023*, lạm phát cơ bản *tăng 4,27% so với cùng kỳ năm 2022*, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,22%).

Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước 11 tháng năm 2023 giảm 12,12% so với cùng kỳ năm trước, giá gas giảm 7,5% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

## 1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

### 1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Theo số liệu mới nhất của NHNN, tín dụng đến ngày 21/11 đã tăng 8,09%, dù đã có sự tăng trưởng nhưng vẫn còn cách khá xa so với mục tiêu tăng 14% của cả năm.

Để kích thích nhu cầu tín dụng, khá nhiều ngân hàng đã đưa ra các gói ưu đãi giảm lãi suất cho vay, cho cả khách hàng cũ và mới. Tuy nhiên, khách hàng doanh nghiệp vẫn là xu hướng và động lực chính cho tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng.

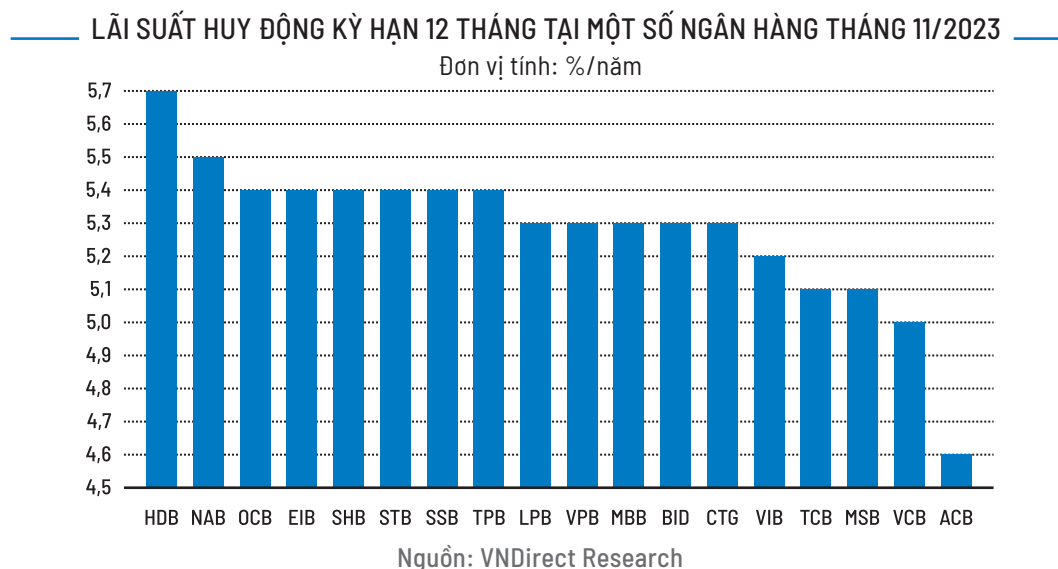
Bên cạnh đó, có sự chênh lệch lớn giữa tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại do nhà nước chi phối và ngân hàng thương mại tư nhân. Các ngân hàng thương mại cổ phần top đầu như Techcombank, ACB, HDBank... đều cho biết, khả năng cao sẽ đạt được chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được cấp.

### 1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 11, lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng hầu hết đều đã được các ngân hàng đưa về mức dưới 6%/năm, trong đó một số ngân hàng lãi suất tiền gửi 12 tháng dưới 5,5%/năm như ACB, Vietcombank, BIDV, VietinBank, VIB, VPBank, MB Bank...

Tính đến hết ngày 28/11, có 28 ngân hàng giảm lãi suất huy động. Trong đó, VietBank, Dong A Bank, VIB, NCB, Techcombank, OCB, Bac A Bank, Sacombank, BaoVietBank, BVBank là những ngân hàng đã giảm lãi suất hai lần trong tháng 11 này.

Ngược lại, VIB, OCB và BIDV là những ngân hàng đã tăng lãi suất huy động kể từ đầu tháng. Với OCB, ngân hàng tăng lãi suất các kỳ hạn từ 18-36 tháng. Trong khi đó BIDV tăng lãi suất các kỳ hạn 6-36 tháng, còn VIB tăng lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 2-5 tháng.



### 1.2.3. Tỷ giá

Giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 24.605 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 11/2023 tăng 0,05% so với tháng trước; tăng 1,61% so với tháng 12/2022; giảm 1,03% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 11 tháng năm 2023 tăng 1,94%.

### 1.2.4. Giá vàng

Tính đến ngày 25/11/2023, *bình quân giá vàng thế giới ở mức 1.982,01 USD/ounce, tăng 3,8% so với tháng 10/2023* do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) duy trì lập trường giữ lãi suất điều hành ở mức 5,25-5,5% để kéo lạm phát về 2%. Sự sụt giảm lợi suất trái phiếu Mỹ và đồng USD đang làm tăng sức hấp dẫn đầu tư vào vàng. Bên cạnh đó, giá vàng tăng do nhu cầu dự trữ vàng của các ngân hàng Trung ương và ở khu vực châu Á trong dịp cuối năm.

*Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới.* Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 11/2023 **tăng 2,77% so với tháng trước**; tăng 8,8% so với tháng 12/2022; tăng 9,29% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 11 tháng năm 2023 tăng 3,38%. Giá vàng đạt đỉnh ở mức **74,4 triệu đồng vào ngày 29/11/2023**.

### 1.2.5. Chứng khoán

Thị trường chứng khoán trong tháng đã ghi nhận sự biến động mạnh xoay quanh những thông tin tiêu cực liên quan tới vụ án xảy ra tại Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Ngân hàng SCB.

Hiện nay, dầu khí là nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn trên thị trường. Cùng với sự khởi sắc của kết quả kinh doanh và bối cảnh thị trường chứng khoán thuận lợi đây là nhóm ngành có nền tảng phát triển và tiềm năng tốt nhất trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, nhóm ngành dầu khí lại không được sự chú ý của giới đầu tư, bởi giá dầu có mức độ biến động rất khó lường.

## 2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

### 2.1. Về chủ trương, chính sách

#### ▪ Đề xuất giảm 2% thuế VAT đến hết năm 2024

Ngày 20/11, Chính phủ đã trình Quốc hội đề xuất giảm 2% thuế giá trị gia tăng (VAT) từ ngày 1/1 đến 30/6/2024.

Theo đó, tất cả những hàng hóa dịch vụ đang chịu thuế VAT 10% sẽ được giảm xuống mức 8% trong thời gian nói trên; trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Việc giảm thuế VAT cho cả năm 2024 để tạo nền tảng vững chắc hơn cho phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng bởi cả hai lần áp dụng giảm VAT trong năm 2022 và 2023 đều chưa đủ dài hơi cho nền tác động khuyến khích, hỗ trợ tiêu dùng còn hạn chế.

#### ▪ Đề xuất giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn

Bộ Tài chính vừa đề xuất giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn và đã gửi dự thảo Nghị quyết tới Bộ Tư pháp để thẩm định. Động thái này nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, đồng thời tạo đà hồi phục kinh tế đến hết năm 2024.

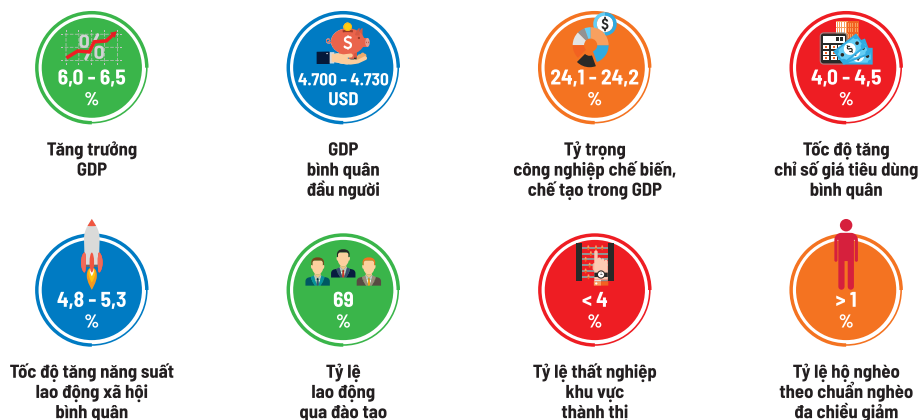
Theo đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn áp dụng trong năm 2024. Cụ thể: xăng (trừ ethanol): 2.000 đồng/lít; nhiên liệu bay, dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn: 1.000 đồng/lít; mỡ nhờn: 1.000 đồng/kg; dầu hỏa: 600 đồng/lít. Từ ngày 1/1/2025, mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (trừ ethanol) là 4.000 đồng/lít; nhiên liệu bay là 3.000 đồng/lít; dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn là 2.000 đồng/lít; dầu hỏa là 1.000 đồng/lít; mỡ nhờn là 2.000 đồng/kg.

### 2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Ngày 9/11, với 90,49% đại biểu tán thành, Quốc hội thông qua Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 với **chỉ tiêu GDP là từ 6,0 - 6,5%**, một mục tiêu đòi hỏi sự nỗ lực, quyết tâm cao.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 12/2023

### MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Ngày 9/11, Cơ quan xếp hạng tín dụng Fitch Ratings ngày 9/11 đưa ra dự báo lạc quan về tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong 2 năm 2024 và 2025. Cụ thể, Fitch Ratings cho rằng chính sách tài chính và tiền tệ trong nước của Việt Nam đã hỗ trợ nhiều cho nền kinh tế, theo đó dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt 6,3% vào năm 2024 và 7,0% vào năm 2025.

Theo Fitch Ratings, các yếu tố cơ bản trong trung hạn của nền kinh tế Việt Nam vẫn khả quan và đà tăng trưởng bền vững sẽ mở ra triển vọng kinh doanh tích cực cho các ngân hàng.

### DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM VÀ KHU VỰC 2023-2024 CỦA WB

Đơn vị tính: %

	2020	2021	Oct 2023 forecast for		
			2022	2023	2023
East Asia & Pacific	1,3	7,5	3,4	5,0	4,5
East Asia & Pacific (excluding China)	-3,5	2,7	5,8	4,6	4,7
Pacific Island Countries	-10,2	-3,5	6,4	5,2	3,6
China	2,2	8,4	3,0	5,1	4,4
Indonesia	-2,1	3,7	5,3	5,0	4,9
Malaysia	-5,5	3,3	8,7	3,9	4,3
Philippines	-9,5	5,7	7,6	5,6	5,8
Thailand	-6,1	1,5	2,6	3,4	3,5
Vietnam	2,9	2,6	8,0	4,7	5,5
Cambodia	-3,1	3,0	5,2	5,5	6,1
Lao PDR	0,5	2,5	2,7	3,7	4,1

Nguồn: WB





## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

### 1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

#### 1.1. Thông tin trong kỳ

##### 1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

###### ▪ *Cung dầu mỏ:*

Nguồn cung dầu từ các nước lớn có xu hướng giảm trong tháng 11.

Tại Trung Quốc, nhiều nhà máy lọc dầu đã cắt giảm sản lượng trong tháng 11 để duy trì hoạt động cho đến cuối năm do lợi nhuận yếu và nguồn nguyên liệu khan hiếm.

Tại Mỹ, việc ngừng bảo trì theo mùa và chuyển sang sản xuất sản phẩm chưng cất nhiều hơn đã làm giảm sản lượng của các nhà máy lọc dầu thô.

Tại Nga, Bộ Năng lượng Nga cho biết, từ ngày 17/11, chính phủ nước này quyết định bãi bỏ lệnh tạm cấm xuất khẩu xăng dầu áp đặt từ ngày 21/9 do trong vòng 2 tháng, khi thị trường nội địa đã thặng dư nhiên liệu. Tuy nhiên, Nga sẽ tiếp tục tự nguyện giảm xuất khẩu dầu thô ra thị trường thế giới.

###### ▪ *Cầu dầu mỏ:*

Các nhà máy lọc dầu độc lập của Trung Quốc phải cắt giảm thêm nhập khẩu dầu thô trong tháng 11 do việc hạn ngạch nhập khẩu không còn nhiều.

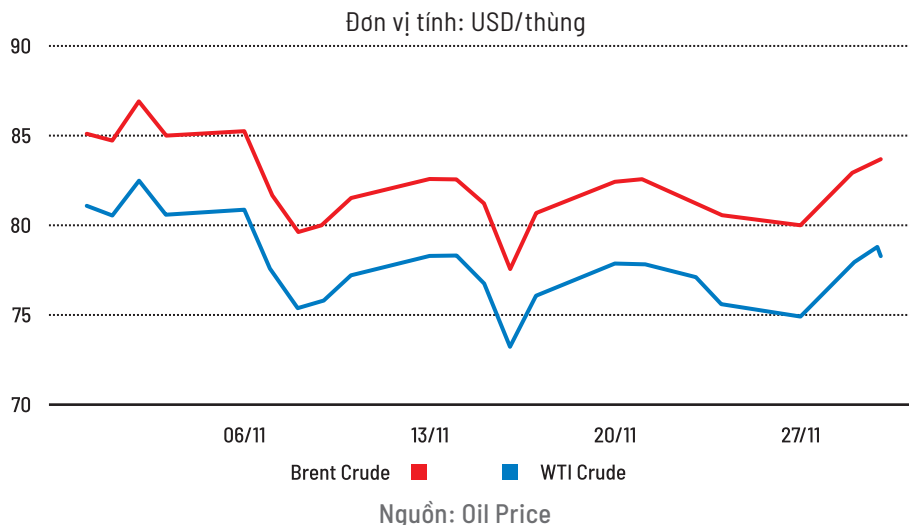
Trong khi đó, Mỹ lại đang tìm cách mua 3 triệu thùng dầu giao hàng vào tháng 1 năm 2024, để bổ sung cho kho dự trữ xăng dầu chiến lược của nước này.

###### ▪ *Diễn biến giá:*

Trong tháng 11, thị trường dầu mỏ thế giới đã có nhiều biến động lớn về giá. Giá dầu tăng sau khi các nhà xuất khẩu dầu hàng đầu là Ả Rập Xê-út và Nga tái khẳng định cam kết cắt giảm nguồn cung cho đến cuối năm nay. Tuy nhiên sau đó thông tin cuộc họp OPEC+ bị trì hoãn đã khiến giá dầu lao dốc.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 12/2023

### DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ BRENT VÀ GIÁ DẦU THÔ WTI TRONG THÁNG 11/2023

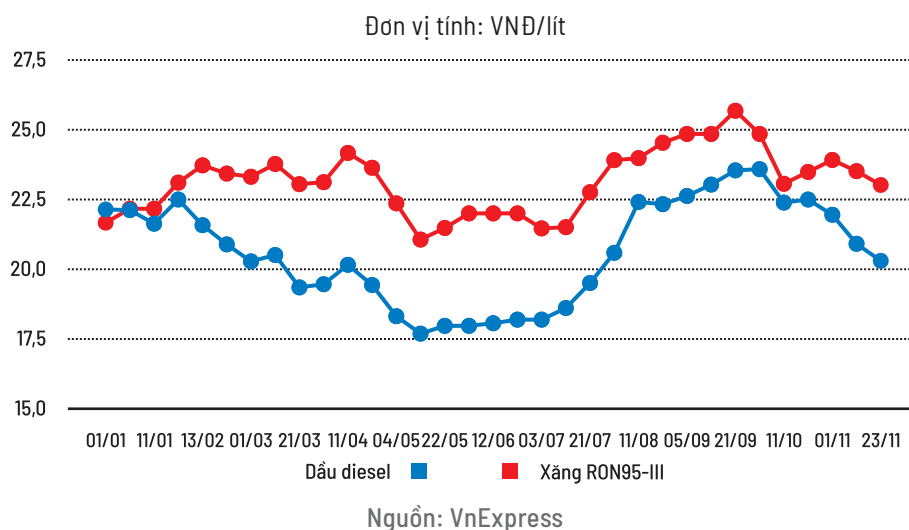


#### 1.1.2. Thị trường trong nước

Từ đầu năm đến nay, giá xăng dầu trong nước có 33 đợt điều chỉnh, trong đó 18 lần tăng, 11 lần giảm và 4 kỳ giữ nguyên.

Đặc biệt, bắt đầu kỳ điều hành ngày 23/11, lần đầu tiên, giá xăng dầu được điều chỉnh theo Nghị định 80/2023/NĐ-CP. Theo quy định mới, thời gian điều hành giá xăng dầu được thực hiện vào ngày thứ Năm hàng tuần, với ngoại lệ nếu thứ Năm trùng với ngày Lễ, Tết.

### DIỄN BIẾN GIÁ XĂNG DẦU TRONG NƯỚC TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY



### 1.2. Dự báo

#### 1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

##### ▪ *Cung dầu mỏ:*

Ả Rập Xê-út xác nhận nước này sẽ tiếp tục cắt giảm sản lượng dầu tự nguyện bổ sung 1 triệu thùng/ngày trong tháng 12 để duy trì sản lượng khoảng 9 triệu thùng/ngày.

Bên cạnh đó, Nga cũng tuyên bố sẽ tiếp tục cắt giảm tự nguyện bổ sung 300.000 thùng/ngày từ xuất khẩu dầu thô và sản phẩm dầu mỏ cho đến cuối tháng 12.

Ngoài ra, cả OPEC và Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đều dự đoán nguồn cung sẽ thắt chặt trong quý IV.

IEA dự báo nguồn cung cho năm 2023 lên mức 101,54 triệu thùng/ngày, tương đương mức tăng 280.000 thùng/ngày so với báo cáo trước. *IEA dự báo sản lượng dầu toàn cầu năm 2024 tăng lên 102,55 triệu thùng/ngày*, từ mức 102,19 triệu thùng/ngày.

OPEC cũng nâng dự báo tăng trưởng nguồn cung ngoài OPEC trong năm 2023 lên 1,8 triệu thùng, so với mức dự báo tăng 1,7 triệu thùng/ngày được đưa ra vào tháng trước. *Năm 2024, nguồn cung dầu thô ngoài OPEC dự kiến sẽ tăng thêm 1,4 triệu thùng/ngày*, không thay đổi so với dự báo tháng trước.

##### ▪ *Cầu dầu mỏ:*

Ngày 14/11, IEA nâng dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu mỏ năm 2023 từ mức 2,3 triệu thùng/ngày lên mức 2,4 triệu thùng/ngày và tiến gần hơn đến dự báo 2,46 triệu thùng/ngày của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC).

*Năm 2024, IEA đã nâng dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu mỏ lên 930.000 thùng/ngày từ 880.000 thùng/ngày*, vẫn thấp hơn nhiều so với *dự báo 2,25 triệu thùng/ngày của OPEC*.

##### ▪ *Diễn biến giá:*

*IEA dự báo giá dầu Brent sẽ duy trì ở mức khoảng 90 USD/thùng trong quý IV/2023*, trước khi tăng lên mức trung bình 93 USD/thùng vào năm 2024. Dầu WTI dự kiến sẽ có giá 79,41 USD/thùng vào năm 2023 và 89,24 USD/thùng vào năm 2024.

Bên cạnh đó, theo *dự báo của Fitch Ratings giá dầu trung bình có thể đạt 120 USD/thùng vào năm 2024* do nguồn cung từ Trung Đông bị gián đoạn do xung đột giữa Israel và phong trào Hamas của Palestine.

### 1.2.2. Thị trường trong nước

Những tháng cuối năm, nhu cầu sử dụng xăng dầu tăng từ 15-20% do các doanh nghiệp có nhu cầu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như nhu cầu đi lại của người dân tăng rất cao.

Hai nhà bán lẻ xăng dầu lớn nhất cả nước là Petrolimex và PV OIL đều đang chuẩn bị sẵn sàng để đáp ứng nhu cầu tăng cao vào dịp cuối năm.

PVOIL đã đủ lượng xăng dầu cung ứng ra thị trường đến hết tháng 12, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khoảng 400 nghìn tấn xăng dầu/tháng. Hiện việc cung ứng xăng dầu từ hai nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn ổn định, đảm bảo cả về khối lượng và thời gian giao hàng.

Bên cạnh đó, Petrolimex cũng đã đảm bảo được 65% đơn hàng dự kiến cho tháng 12 và tiếp tục tìm kiếm và bổ sung lượng hàng còn thiếu.

## 2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

### 2.1. Thông tin trong kỳ

#### 2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 11, những hạn chế vận chuyển qua Kênh đào Panama do hạn hán đã khiến việc vận chuyển LNG của Mỹ đến châu Á trở nên đắt đỏ hơn, làm gia tăng khoảng cách giữa giá LNG châu Á và châu Âu.

Châu Âu đang bước vào mùa đông với kho dự trữ đã đầy và nhập khẩu LNG dồi dào, các kho lưu trữ khí đốt ở EU đã đầy 98,69% tính đến ngày 21/11. Tuy nhiên, lục địa này vẫn dễ gặp rủi ro về nguồn cung do Nga đã hạn chế dòng khí đốt qua đường ống.

Giá khí đốt tự nhiên có xu hướng giảm dần, gần mức thấp nhất trong 2 tháng qua do mức dự trữ dồi dào, sản lượng kỷ lục và nhu cầu thấp hơn.

#### DIỄN BIẾN GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY

Đơn vị tính: USD/mmBTU



Nguồn: Investing

### 2.1.2. Thị trường trong nước

Giá gas tăng 0,89% so với tháng trước, nguyên nhân là từ ngày 01/11/2023, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 4.000 - 5.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 5 USD/tấn (từ mức 610 USD/tấn lên mức 615 USD/tấn).

Bên cạnh đó, biến động tỷ giá USD/VND tăng cũng khiến giá gas nhập khẩu về Việt Nam tăng lên.

## 2.2. Dự báo

### 2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Ngày 6/11, EIA dự báo thị trường khí đốt tự nhiên toàn cầu có đủ nguồn cung để đáp ứng nhu cầu mùa đông năm 2023-2024, nhưng vẫn còn nhiều rủi ro như các hiện tượng thời tiết cực đoan cũng như những vấn đề về nguồn cung.

Bên cạnh đó, theo báo cáo của Total Energies phát hành hôm 14/11, tỷ lệ khí đốt tự nhiên trong nhu cầu năng lượng toàn cầu dự kiến sẽ duy trì ở mức từ 22% đến 24% vào năm 2050, bất kể kịch bản năng lượng nào được xem xét và nỗ lực để kiềm chế sự nóng lên toàn cầu.

### 2.2.2. Thị trường trong nước

Giá gas trong nước dự báo sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới do nhu cầu sử dụng gas tăng cao dịp cuối năm và nguồn cung gas bị hạn chế.

### 3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

#### 3.1. Thông tin trong kỳ

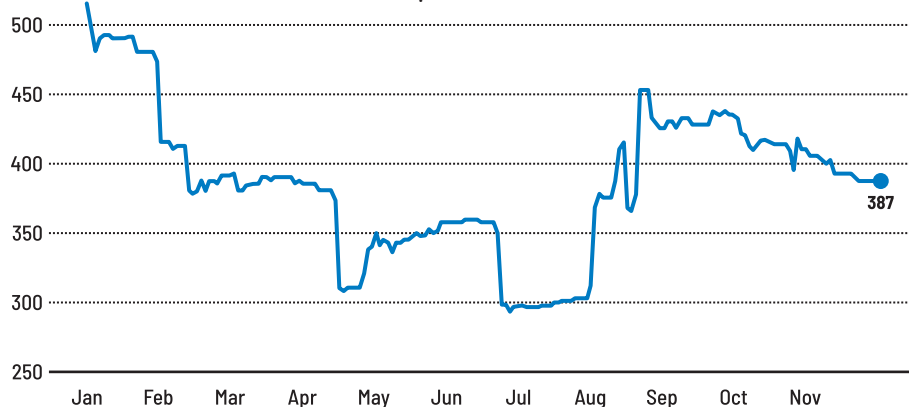
##### 3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 11, Giá ure ổn định quanh mức 390 USD/tấn, do nhu cầu giảm và căng thẳng giảm leo thang trong cuộc xung đột ở Trung Đông.

Tại Ấn Độ, chính phủ đang khuyến khích nông dân giảm sự phụ thuộc vào phân bón hóa học do lo ngại ngày càng tăng về độ phì nhiêu của đất và sức khỏe con người.

DIỄN BIẾN GIÁ URE THẾ GIỚI MỘT NĂM QUA

Đơn vị tính: USD/tấn



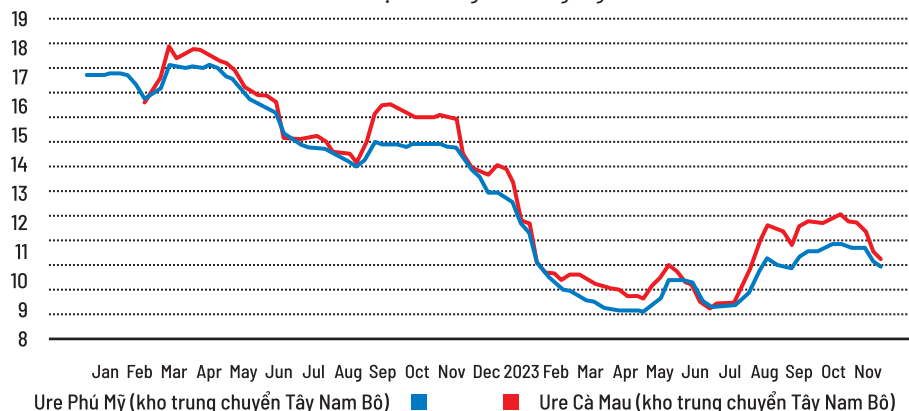
Nguồn: Tradingeconomics

##### 3.1.2. Thị trường trong nước

Giá Ure tại Việt Nam có xu hướng giảm do sức tiêu thụ chậm và giá phân ure tại nhiều nước trên thế giới giảm. Sức mua phân bón tại nhiều nơi cũng khá yếu, nhất là khi nông dân tại nhiều địa phương mới gieo sạ hoặc chuẩn bị gieo sạ lúa đông xuân, chưa có nhu cầu sử dụng nhiều phân bón.

DIỄN BIẾN GIÁ URE TẠI VIỆT NAM

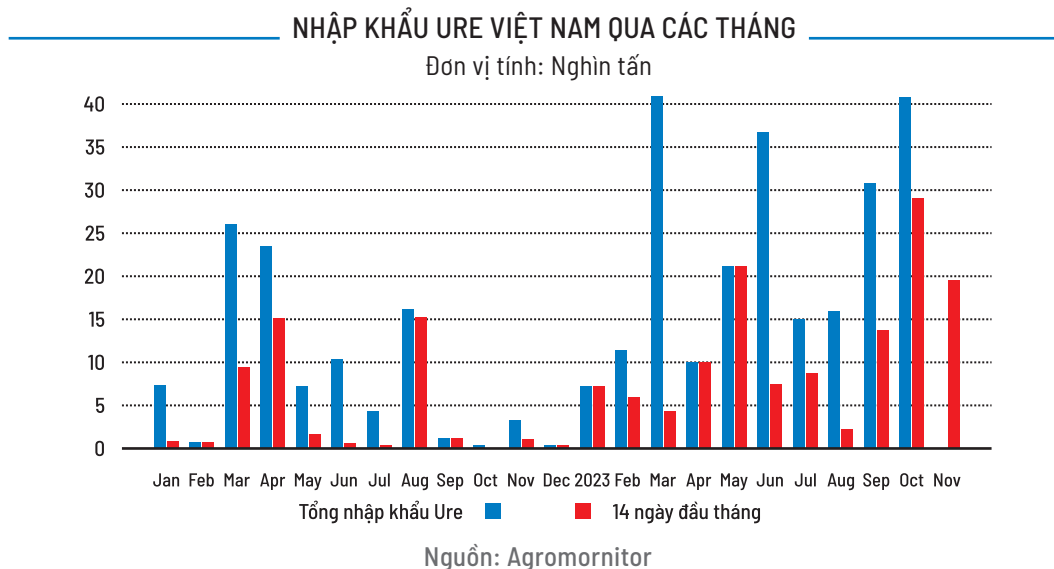
Đơn vị tính: Nghìn đồng/kg



Ure Phú Mỹ (kho trung chuyển Tây Nam Bộ) ■ Ure Cà Mau (kho trung chuyển Tây Nam Bộ)

Nguồn: Agromonitor

Nhập khẩu Ure trong nửa đầu tháng 11 giảm 33% so với cùng kỳ tháng 10/2023.



### 3.2. Dự báo

#### 3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo giá phân bón có thể diễn biến tích cực hơn trong thời gian tới, do các hạn chế xuất khẩu ure của Trung Quốc và việc Nga gia hạn việc áp dụng hạn ngạch xuất khẩu phân đạm cho đến cuối năm 2024.

#### 3.2.2. Thị trường trong nước

Nhu cầu tiêu thụ phân bón, đặc biệt là đạm ure trong nước dự kiến sẽ tăng nhanh vào nửa đầu tháng 12 tới đây khi bước vào cao điểm vụ Đông Xuân. Tuy nhiên, giá bán phân bón tháng cuối năm dự báo vẫn ổn định ở mức bình quân các năm trước nhờ nguồn cung dồi dào.

## 4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

### 4.1. Thông tin trong kỳ

#### 4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 11, Mỹ đã gia hạn quyền miễn trừ trừng phạt đối với Iraq khi mua điện của Iran.

Tại Pháp, Chính phủ đã đạt được thỏa thuận với Cơ quan Điện lực Pháp sau nhiều tháng giá điện tăng cao. Theo đó, giá điện sẽ được duy trì ở mức giá tham khảo nhằm duy trì sự ổn định cho điện dân dụng.

Tại châu Á, Lào đang nỗ lực tăng cường xuất khẩu điện năng sang các nước láng giềng ở Đông Nam Á và đẩy mạnh phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, với hy vọng trở thành nguồn dự trữ và cung cấp điện năng của khu vực.

#### 4.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 11, sản lượng tiêu thụ điện bình quân ngày toàn hệ thống dự kiến ở mức 763,5 triệu kWh/ngày, tăng 7,09% so với cùng kỳ năm 2022.

Giá điện sinh hoạt tháng 11 giảm 1,45% so với tháng trước.

### 4.2. Dự báo

#### 4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Theo kịch bản các chính sách năng lượng hiện hành tiếp tục được duy trì, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo tới năm 2030, sẽ vẫn còn tới 650 triệu người không có điện dùng và hơn 1,9 tỷ người không có nhiên liệu sạch để đun nấu.

#### 4.2.2. Thị trường trong nước

Bộ Công Thương cho biết với phương án phụ tải dự kiến tăng trưởng 8,9%, tổng sản lượng điện toàn hệ thống năm 2024 cần khoảng 306,4 tỷ kWh. Trong đó, 12 nhà máy nhiệt điện than của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) dự kiến đóng góp 78,6 tỷ kWh, chiếm gần 26% tổng sản lượng điện năm 2024.

Bên cạnh đó, hiện tượng El Nino kéo dài đến tháng 6/2024 có thể tạo lợi thế cho mảng nhiệt điện, nhưng gây áp lực cho mảng thủy điện. Dự báo nguy cơ thiếu điện ở miền Bắc vào mùa hè năm 2024 vẫn còn nhưng sẽ ít nghiêm trọng hơn năm 2023.





PHẦN IV

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Tình hình biến động vĩ mô từ thị trường tài chính, dầu khí và các sản phẩm dầu, phân bón do tác động của thị trường tài chính thế giới, biến động của tỷ giá, giá vàng... đã ảnh hưởng rất lớn tới đầu tư cho lĩnh vực dầu khí, năng lượng.

Để ứng phó với thách thức nói trên PVN cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- Việc phân tích thị trường và dự báo thường xuyên có thể giúp PVN dự đoán và chuẩn bị cho xu hướng thị trường và biến động giá trong tương lai. Điều này sẽ hỗ trợ trong việc đưa ra quyết định đầu tư và hoạt động có thông tin.
- Duy trì bảng cân đối kế toán mạnh mẽ với đủ dòng tiền có thể giúp PVN chống chọi với những sốc từ thị trường tài chính. Điều này bao gồm việc vay mượn cẩn thận và duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ.
- Tập trung gia tăng sản lượng, đảm bảo an toàn hoạt động, bảo đảm độ khả dụng của các nhà máy điện và sản lượng điện, góp phần đảm bảo nguồn cung xăng dầu, điện cho thị trường dịp cuối năm và Tết Nguyên đán.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, đặc biệt là các quy trình, quy định, quy chế; danh mục lại và có lộ trình khắc phục, xử lý các vấn đề cần phải chấn chỉnh theo kết luận của Kiểm toán nhà nước; hoàn hiện kế hoạch 5 năm cũng như kế hoạch năm 2024, đồng thời xây dựng mục tiêu kế hoạch quản trị đồng bộ ngay từ đầu năm.
- Tiến hành triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc Tập đoàn giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, quán triệt việc triển khai thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo Đề án.
- Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để áp dụng các công nghệ mới có thể tăng cường hiệu quả trong quá trình khám phá và sản xuất. Điều này bao gồm việc số hóa và tự động hóa các quá trình để giảm chi phí và cải thiện việc ra quyết định.

# BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 12/2023

## PHỤ LỤC I

### KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 11 NĂM 2023

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 11 2023	11 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	n/a				
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a		103	105,8	101	
3	<b>Hoạt động của doanh nghiệp</b>							
3.1	Thành lập mới	DN	14.267	201.500	92,4	119,5	103,5	
3.2	Quay lại hoạt động	DN	6.562		116,6	104,7		
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN		158.800			120	
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	4.510		82	112,6		
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	6.598		134,7	129,5		
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.443		96,1	101,5		
4	<b>Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội</b>	<b>Nghìn tỷ</b>						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	70,3	549,1		119,9	122,1	
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD		28,85			114,8	
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD		20,25			102,9	
5	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng</b>	<b>Nghìn tỷ</b>	<b>552,7</b>	<b>5.667</b>	<b>101,4</b>	<b>110,1</b>	<b>109,6</b>	
6	<b>Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa</b>	<b>Tỷ USD</b>	<b>60,88</b>	<b>619,17</b>	<b>98,6</b>	<b>105,9</b>	<b>91,7</b>	
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	31,08	322,50	96,4	106,7	94,1	
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	29,8	296,67	101	105,1	89,6	
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 1,28	Xuất siêu 25,83				
7	<b>Chỉ số giá</b>							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,25	103,45	103,22	103,46
7.2	Chỉ số giá vàng				102,77	109,29	103,38	108,80
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,05	98,97	101,94	101,61
7.4	Lạm phát cơ bản				100,16	103,15	104,27	

A: Tháng 11/2023 so với tháng trước

B: Tháng 11/2023 so với tháng 11/2022

C: 11 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm 2022

D: Tháng 11/2023 so với tháng 12/2022



Ảnh bìa: Tính chung 11 tháng năm 2023,  
tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa  
đạt 619,17 tỷ USD.

[cmit.com.vn](http://cmit.com.vn)



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**

**VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH**  
*phối hợp thực hiện*